

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/DS-ST

Ngày: 08 - 10 - 2019

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các vị Hội thẩm nhân dân: Ông Ng Văn Mầm

Ông Ng Văn Hành

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 273/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Hồng Kh, sinh năm 1985 (Có mặt)

Cư trú: Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: 1. Huỳnh Ngọc Ng, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

2. Ng Thị M, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/7/2019 và các lời trình bày tại Tòa án, nguyên đơn là chị Lê Hồng Kh trình bày:

Vào ngày 20 tháng 01 năm 2019 anh vợ chồng anh Huỳnh Ngọc Ng, chị Ng Thị M có vay số tiền 220.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn thanh toán tiền vay là 12 tháng. Khi vay tiền thì anh Ng, chị M có cam kết sẽ đảm bảo tài sản thế chấp nếu như không thanh toán nợ đúng hạn (vốn, lãi). Việc anh Ng, chị M vay tiền là phục vụ cho việc làm ăn kinh tế gia đình, khi ký giấy nhận nợ thì anh Ng ký tên đại diện. Tuy nhiên sau khi vay tiền, nhận tiền xong thì anh Ng, chị M không đóng bất cứ

khoản lãi nào cho tôi như đã cam kết. Tôi đã đòi nhiều lần nhưng anh Ng, chị M cứ hẹn lần hẹn lựa, diện nhiều lý do để kéo dài thời gian không trả tiền nên tôi yêu cầu anh Ng, chị M phải có trách nhiệm trả số tiền 220.000.000 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 20/01/2019 cho đến nay.

Đối với bị đơn anh Huỳnh Ngọc Ng, chị Ng Thị M. Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số 501/TB-TLVA ngày 08/7/2019 nhưng đều không có ý kiến bằng văn gửi Tòa án nhân dân huyện C, cũng không có đơn yêu cầu phản tố.

Ngoài ra, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Huỳnh Ngọc Ng, chị Ng Thị M. Tuy nhiên, anh Huỳnh Ngọc Ng, chị Ng Thị M đều vắng mặt không có lý do, nên không thể tiến hành hòa giải được. Anh Huỳnh Ngọc Ng, chị Ng Thị M cũng không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Huỳnh Ngọc Ng, chị Ng Thị M đã được Tòa án niêm yết giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Huỳnh Ngọc Ng, chị Ng Thị M không đến để trình bày ý kiến của mình cũng như không tham gia phiên họp, phiên hòa giải và xét xử xem như đương sự đã tự từ bỏ thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Huỳnh Ngọc Ng, chị Ng Thị M là phù hợp.

[2] Xét nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị đơn vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Huỳnh Ngọc Ng, chị Ng Thị M liên đới trả cho bị đơn số tiền 220.000.000 đồng đã vay ngày 20/01/2019 (âm lịch). Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tình tiết không phải chứng minh. Do anh Huỳnh Ngọc Ng, chị Ng Thị M vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bị đơn khởi kiện.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bị đơn đã cung cấp giấy mượn tiền mà anh Ng đã ký nhận. Sau khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cùng với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng anh Ng, chị M không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và cũng không có yêu cầu phản tố. Hội đồng xét xử khẳng định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc anh Ng, chị M có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 220.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu tính lãi suất của chị Kh thấy rằng: Chị Kh khai trong giấy mượn tiền có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị Kh yêu cầu anh Ng, chị M trả lãi suất theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử lấy mốc thời gian từ ngày 20/01/2019 (tương ứng với ngày 24/02/2019 dương lịch) đến nay làm căn cứ tính lãi suất là phù hợp. Hội đồng xét xử xét thấy, do hợp đồng vay giữa chị Kh và anh Ng, chị M có thỏa thuận lãi suất nhưng khi đến hạn anh Ng, chị M không trả đầy đủ nên lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, cụ thể:

Số tiền 220.000.000 đồng, lãi suất tính từ ngày 24/02/2019 đến ngày 08/10/2019 là 07 tháng 14 ngày, được tính như sau: 220.000.000 đồng x 10%/năm (= 0.83%/tháng) x 07 tháng 14 ngày = 13.634.000 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi buộc anh Ng, chị M trả cho chị Kh là 220.000.000 đồng + 13.634.000 đồng = 233.634.000 đồng (Hai trăm ba mươi ba triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn).

[4] Xét nghĩa vụ trả nợ thấy rằng: Tại phiên tòa, chị Kh trình bày khoản tiền vay mà anh Ng, chị M còn thiếu là nợ chung của vợ chồng anh Ng, chị M vì mục đích vay tiền là để đầu tư phát triển kinh tế gia đình. Cho nên, cần buộc anh Ng, chị M có trách nhiệm liên đới phải trả cho chị Kh số tiền trên là phù hợp với quy định tại Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về án phí: Anh Ng, chị M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 91, 144, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Hồng Kh.

1. Buộc anh Huỳnh Ngọc Ng, chị Ng Thị M liên đới trả cho chị Lê Hồng Kh số tiền nợ gốc 220.000.000 đồng và tiền lãi 13.634.000 đồng. Tổng cộng 233.634.000 (Hai trăm ba mươi ba triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả thêm số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất tương ứng với thời gian chậm trả được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Anh Huỳnh Ngọc Ng, chị Ng Thị M phải chịu 11.681.700 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Lê Hồng Kh không phải chịu án phí, hoàn trả cho chị Kh số tiền 5.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã dự nộp theo biên lai thu số 0004569 ngày 09/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Ng, chị M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Minh Tính

